

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS – ST
Ngày: 27 – 8 – 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Ngôn;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thụ lý số: 73/2019/TLST – DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2019/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 131/2019/QĐST – DS ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thái D, sinh năm 1976;

Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số A, đường H, khóm Đ 1, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1964;

Bà Nguyễn Thị P D, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số X, đường T, xóm ĐT 5, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 28/3/2019 của đồng nguyên đơn là ông Huỳnh Thái D và bà Nguyễn Thị Diễm T, tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, ông D và bà T trình bày:***

Ông bà có quan hệ quen biết với con dâu của ông N và bà D vì trước đây làm chung tại Ngân hàng TMCP MK. Do cần tiền để đáo hạn Ngân hàng TMCP A, ông N và bà D có vay của ông bà 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng). Ông bà mang tiền đến Cửa hàng xe máy S tại địa chỉ X, đường T, phường M, thành phố LX để giao cho ông N, bà D. Bà D, ông N có ký tên vào Hợp đồng vay tiền ngày 23/01/2019. Tại hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa miệng là 10 ngày đầu 0,4%/ngày. Qua 10 ngày đầu, ông bà đến gặp bà D, ông N yêu cầu trả vốn thì bà D, ông N không đồng ý và hứa hẹn chờ bán được nhà ở huyện Lấp Vò sẽ thanh toán. Quá trình vay nợ, ông N và bà D trả lãi được 110.000.000 đ (Một trăm mười triệu đồng). Cụ thể, trả đợt đầu vào ngày 01/02/2019 với số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng), đợt 2 vào ngày 22/02/2019 trả tiếp 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng) do con ông N là Lê Minh P giao, đợt 3 vào ngày 02/3/2019 ông N và bà D trả tiếp 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) do Lê Minh P giao. Việc con ông N và bà D nộp lãi có ghi vào mặt sau của hợp đồng vay tiền ngày 23/01/2019. Tại biên nhận có ghi 02 dòng “Tính lãi đến ngày 01/02/2019... Bắt đầu tính lãi ngày 02/02/2019” được ông D tự ghi lại sau khi nhận lãi lần đầu là ngày 01/02/2019 do bà D giao.

Khi vay tiền ông N và bà D không thế chấp tài sản mà giao bản photo giấy chứng minh nhân dân của ông N, bà D và sổ hộ khẩu mang tên bà D. Thời gian qua, ông bà nhiều lần liên hệ ông N và bà D để trả tiền nhưng ông N, bà D cố tình lẩn tránh, điện thoại thì không bắt máy. Căn nhà bà D và ông N ở trước đây đã chuyển nhượng cho người khác. Nay, ông bà yêu cầu ông N và bà D liên đới trách nhiệm trả lại cho ông bà tiền vốn còn nợ là 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng), đồng ý

trừ phần tiền lãi đã nhận là 110.000.000 đ (Một trăm mười triệu đồng) vào phần vốn. Ông bà không yêu cầu ông N, bà D trả lãi.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông N và bà D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà D tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, không lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, chứng cứ là hợp đồng vay tiền ngày 23/01/2019 thể hiện giữa các đương sự đã xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Ông D, bà T đồng ý trừ phần tại lãi đã nhận vào phần vốn vay ông N, bà D còn nợ. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như là sự tự nguyện trừ phần tiền lãi đã nhận vào vốn là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Huỳnh Thái D, bà Nguyễn Thị Diễm T với ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị P D là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, không lý do. Đồng nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà D.

[3] Theo kết quả xác minh của Công an phường Mỹ Phước xác định, ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị P D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ là số 95, đường Trần Hưng Đạo, tổ 72, khóm Đông Thịnh 5, phường Mỹ Phước, thành phố LX, tỉnh An Giang. Ông N, bà D không có mặt tại địa P từ tháng 02/2019 đến nay. Căn nhà số X, đường T, khóm ĐT5, phường M đã chuyển nhượng cho người khác. Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho đồng bị đơn tại địa chỉ cư trú trên và tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Xét thấy, các tài liệu nguyên đơn cung cấp có sự mâu thuẫn về năm sinh của ông Lê Văn N. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ được lưu trữ tại Đội cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội – Công an thành phố LX và căn cứ vào bản khai nhân khẩu ngày 17/10/2018, giấy chuyển hộ khẩu ngày 17/10/2018 và phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 18/10/2018 để xác định ông Lê Văn N sinh ngày 12/6/1964.

Về nội D:

[5] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính hợp đồng vay tiền đề ngày 23/01/2019. Tại hợp đồng vay tiền này thể hiện, ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị P D có vay của ông Huỳnh Thái D số tiền là 1.000.000.000 đ (Một tỷ đồng), thời hạn vay 10 ngày. Như vậy, đủ cơ sở xác định giữa ông D và ông N, bà D đã xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi được quy định tại các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Xét thấy, hợp đồng vay tiền ngày 23/01/2019 ghi nhận địa chỉ của ông N, bà D tại số X, đường T, khóm ĐT5, phường M, thành phố LX và địa chỉ này cũng là nơi cư trú hợp pháp của ông N, bà D. Nay đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận nhưng ông N, bà D lại không thanh toán mà bỏ địa P đi từ tháng 02 năm 2019, không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự 2015. Việc này đồng nghĩa với việc ông N, bà D đã cố tình giấu địa chỉ, lẩn tránh nghĩa vụ. Đồng thời, ông bà cũng đã từ

bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc từ bỏ này.

[7] Ông D thừa nhận số tiền cho ông N và bà D vay là tài sản chung của ông cùng vợ là bà Nguyễn Thị Diễm T. Xét thấy, đã hết thời hạn vay do các bên thỏa thuận, ghi nhận tại Hợp đồng vay tiền ngày 23/01/2019, ông N và bà D không thực hiện nghĩa vụ của người vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T.

[8] Tại phiên tòa, các nguyên đơn đồng ý trừ phần tiền lãi đã nhận vào phần vốn vay. Việc này là có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông N, bà D phải trả cho bà T, ông D số tiền là: 1.000.000.000 đ - 110.000.000 đ = 890.000.000 đ (Tám trăm chín mươi triệu đồng).

[9] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông D và bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đ (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số 0002955 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 38.700.000 đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 177, Điều 178, Điều 179, Điều 227, Điều 228; Điều 229, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 13, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Thái D và bà Nguyễn Thị Diễm T.

Buộc đồng bị đơn là ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị P D liên đới nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thái D và bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền còn nợ là 890.000.000 đ (Tám trăm chín mươi triệu đồng).

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông D, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đ (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu số 0002955 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị P D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 38.700.000 đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ông D, bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ khi tuyên án.

Ông N và bà D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh